

Số: /KH-UBND Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Trên 65% trẻ từ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ;

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng và bệnh lý cho người bệnh đạt trên 90% đối với tuyến tỉnh, trên 75% đối với tuyến khu vực;

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt trên 60% ở khu vực thành thị và trên 40% ở khu vực nông thôn;

- Trên 50% xã, phường triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế thực hiện.

2.2. Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao/tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống 14,3%;

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống 7,6%;

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống 3,3%;

- Không chế tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân (dưới 2500g) ở mức dưới 5%;

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt trên 85%;
- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt trên 50%.

2.3. *Mục tiêu 3: Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mãn tính không lây, các yếu tố nguy cơ liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành*

Tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 7%.

2.4. *Mục tiêu 4: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ*

- Trên 98% trẻ em trong độ tuổi được bổ sung Vitamin A liều cao một năm 2 lần; trên 98% trẻ em trong độ tuổi được tẩy giun một năm 2 lần theo quy định;

- Trên 60% trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ cao thiếu Vitamin A (trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng, tiêu chảy kéo dài, sỏi, viêm đường hô hấp cấp) được bổ sung Vitamin A liều cao;

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày đạt trên 80%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, tổ chức và quản lý

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp của các Sở, ban, ngành, cơ quan đoàn thể trong tổ chức thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật có liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ; Đề án chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; Chương trình sức khỏe học đường; Đề án nâng cao tầm vóc người Việt Nam; Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng; các can thiệp dinh dưỡng tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương, coi đó là trách nhiệm của các ban, ngành, cơ quan đoàn thể và Nhân dân;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động dinh dưỡng tại các địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, các quy định về hoạt động dinh dưỡng; quản lý và điều phối có hiệu quả nguồn lực tài chính, bảo đảm sự công bằng và bình đẳng trong chăm sóc dinh dưỡng cho người dân.

2. Truyền thông và vận động xã hội

- Tăng cường truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác dinh dưỡng và các văn bản, chính sách pháp luật liên quan cho cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể tại các địa phương để đưa công tác dinh dưỡng vào các chương trình, đề án, kế hoạch triển khai thực hiện tại các cấp. Huy động sự

tham gia của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư để thực hiện mục tiêu của Kế hoạch;

- Tăng thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh và hệ thống phát thanh tại địa phương;

- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng, nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, đảm bảo chất lượng bữa ăn gia đình, kiểm soát thừa cân, béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp Nhân dân, ưu tiên nhóm đối tượng đích là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên, người lao động và người bệnh; nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng theo vòng đời;

- Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về tầm quan trọng của sự phát triển toàn diện của trẻ trong giai đoạn đầu đời, đặc biệt là trong 1000 ngày vàng để nâng cao tầm vóc và trí tuệ của trẻ;

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý; tăng cường truyền thông trực tiếp đến các đối tượng, vùng miền có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cao như vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hộ nghèo và cận nghèo;

- Tổ chức có hiệu quả các chiến dịch truyền thông “Ngày vi chất dinh dưỡng” năm 2026 và chiến dịch uống vitamin A đợt 1, đợt 2/2026; Tuần lễ “Nuôi con bằng sữa mẹ” ngày 01-07 tháng 8/2026; Tuần lễ “Dinh dưỡng và phát triển” ngày 16-23 tháng 10/2026,...

3. Tăng cường chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng

3.1. Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo an ninh lương thực và an ninh dinh dưỡng

- Phổ biến, hướng dẫn về nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý đến năm 2030, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng;

- Tăng cường giáo dục, tư vấn cho người dân sử dụng thực phẩm đa dạng, lành mạnh, giàu dinh dưỡng;

- Hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm nhằm cải thiện về số lượng, chất lượng bữa ăn của người dân; thúc đẩy mô hình nông nghiệp dinh dưỡng để tạo nguồn thực phẩm sẵn có; phổ biến, hướng dẫn cho người dân và những đối tượng đặc thù về chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý.

3.2. Tăng độ bao phủ và nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục cho trẻ bú mẹ từ 6 đến 23

tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý, điều trị cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường;

- Triển khai cung cấp các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân, béo phì, các bệnh mạn tính không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ tại cơ sở y tế tuyến tỉnh, xã; triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe tại các trạm y tế tuyến xã; tăng cường triển khai can thiệp dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề;

- Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; tăng cường hệ thống thực phẩm tại chỗ (sẵn có tại địa phương) an toàn, đa dạng, giàu dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng và phù hợp với từng vùng, đặc biệt tại những khu vực bị thiên tai, dịch bệnh;

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp;

- Tổ chức triển khai điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi tỉnh Bắc Ninh năm 2026.

3.3. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại cơ sở giáo dục

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông cho phù hợp với điều kiện của các cơ sở giáo dục. Khuyến khích các cơ sở giáo dục sử dụng các phần mềm dinh dưỡng đã được thẩm định trong việc xây dựng thực đơn và tính khẩu phần để đảm bảo cân đối dưỡng chất bữa ăn cho học sinh;

- Truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe, phòng chống bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh;

- Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý theo từng lứa tuổi, đa dạng thực phẩm (đối với các cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn học đường), đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì, để phát triển tốt về tầm vóc và thể chất;

- Đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm tại bếp ăn bán trú của các cơ sở giáo dục; tăng cường kiểm soát chủng loại, chất lượng, thành phần dinh dưỡng đối với thực phẩm được bày bán tại các cửa hàng, quầy hàng trước cổng trường; kiên quyết xử lý các trường hợp kinh doanh, buôn bán thực phẩm bẩn, không rõ nguồn gốc, không đảm bảo dinh dưỡng;

- Hướng dẫn nhân viên y tế trường học đảm bảo dinh dưỡng trong các bữa ăn học sinh bán trú/nội trú và triển khai chương trình sữa học đường tại các trường học. Tổ chức cân, đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho học sinh theo quy định;

- Tuyên truyền, giáo dục kiến thức, nâng cao nhận thức cho học sinh về tiếp cận với các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất và các hoạt động sinh hoạt vui chơi giải trí có tính chất vận động;

- Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của học sinh trong các cơ sở giáo dục;

- Duy trì tẩy giun, sán định kỳ cho trẻ em, học sinh tại vùng có tỷ lệ nhiễm giun, sán cao.

3.4. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng - tiết chế tại các bệnh viện;

- Triển khai các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng và bệnh lý cho người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh;

- Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh các tuyến;

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng tại bệnh viện, thực hiện tiêu chí dinh dưỡng nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

3.5. Triển khai các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp

- Nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho cán bộ y tế làm công tác dinh dưỡng và cán bộ các ban, ngành liên quan;

- Có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá và triển khai có hiệu quả các can thiệp dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp ở cộng đồng và trong các cơ sở khám, chữa bệnh khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra tại địa phương.

4. Phối hợp liên ngành và vận động xã hội

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng; đưa nội dung hoạt động dinh dưỡng vào các chương trình, đề án, kế hoạch triển khai tại các địa phương, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức, thực hiện hành vi dinh dưỡng hợp lý;

- Huy động sự tham gia tích cực từ các tổ chức, cá nhân, cộng đồng thông qua tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng; tham gia truyền thông, can thiệp, cung cấp dịch vụ về dinh dưỡng như phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, sản xuất cung ứng thực phẩm an toàn, các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, tham gia chương trình sữa học đường; đảm bảo dinh dưỡng tại nơi làm việc; sản xuất các sản phẩm có lợi cho sức khỏe, thực hiện đúng các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng;

- Sẵn sàng tiếp nhận, phối hợp và tham gia tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về dinh dưỡng tại địa phương.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đảm bảo tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng ở tuyến y tế cơ sở và nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng; tăng cường đào tạo, chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng-tiết chế tại các cơ sở khám, chữa bệnh;

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành về dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, sử dụng công cụ đánh giá tình trạng dinh dưỡng... cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn/khu theo tình hình thực tế trên địa bàn;

- Nâng cao năng lực giảng dạy, đào tạo về dinh dưỡng cho đội ngũ giáo viên của các cơ sở giáo dục; nâng cao chất lượng nội dung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về công tác dinh dưỡng tại cộng đồng, cơ sở giáo dục và cơ sở khám, chữa bệnh;

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các Sở, ban, ngành, cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, đề án.

6. Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ cao phục vụ trong công tác dinh dưỡng, dự phòng béo phì, hội chứng chuyển hóa và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng; sử dụng thông tin và bằng chứng khoa học trong lập kế hoạch, chương trình, dự án về dinh dưỡng ở các cấp, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi và thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách địa phương và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có), theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch;

- Chủ trì chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật; trong đó chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, trẻ em đang sinh sống tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan lồng ghép các mục tiêu dinh dưỡng vào Chương trình mục tiêu Quốc gia xây

dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án liên quan, hướng dẫn triển khai các hoạt động cải thiện dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc và sức khỏe người dân khu vực nông thôn;

- Triển khai các hoạt động dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án hiện có, bảo đảm đồng bộ với các mục tiêu của ngành y tế;

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ y tế làm công tác dinh dưỡng thuộc lĩnh vực y tế dự phòng, y tế thôn bản; đào tạo, chuẩn hóa cán bộ y tế làm công tác dinh dưỡng tiết chế, lâm sàng tại các cơ sở khám, chữa bệnh; triển khai các dịch vụ khám, tư vấn dinh dưỡng, phục hồi dinh dưỡng, điều trị bằng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh tại các cơ sở y tế;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở cung cấp thực phẩm, bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ mục tiêu dinh dưỡng; định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch gửi UBND tỉnh, Bộ Y tế.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai thực hiện truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi về dinh dưỡng hợp lý, giáo dục thể chất, vận động thể lực phù hợp với học sinh trong các cơ sở giáo dục; chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục thể chất học sinh trong các cơ sở giáo dục; bổ sung nhân lực có chuyên môn về dinh dưỡng cho các bếp ăn tập thể, bán trú trong các cơ sở giáo dục; tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và tiểu học tại các cơ sở giáo dục kiến thức về dinh dưỡng hợp lý;

- Chủ trì, phối hợp với ngành y tế tổ chức triển khai và giám sát các hoạt động dinh dưỡng hợp lý trong cơ sở giáo dục, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh; quản lý căng tin và kiểm soát thực phẩm được bán trong và xung quanh cơ sở giáo dục; kiên quyết loại bỏ thực phẩm không an toàn, thực phẩm nhiều đường, nước ngọt có ga và các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe khỏi căng tin và khu vực xung quanh trường học theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn về dinh dưỡng và vận động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh, đặc biệt là cho nhóm tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn địa phương sản xuất nông sản sạch, an toàn, có nguồn gốc rõ ràng; tăng cường mô hình sản xuất thực phẩm theo chuỗi an toàn nhằm bảo đảm nguồn cung thực phẩm chất lượng cho người dân.

- Hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện từng vùng, phát huy lợi thế địa phương; bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm trong mọi tình huống và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của người dân.

4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm; kiểm soát đồ uống ngọt có ga, thực phẩm chế biến sẵn và ghi nhãn dinh dưỡng; các quy định liên quan đến nhập khẩu sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ em và người lớn mắc các bệnh hiếm; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất, cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng chất lượng, tăng cường vi chất dinh dưỡng và phát triển các sản phẩm đặc thù hỗ trợ vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy xã hội hóa trong sản xuất và cung ứng sản phẩm dinh dưỡng.

- Tăng cường quản lý thị trường, xử lý nghiêm các hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm bẩn, không rõ nguồn gốc, đặc biệt tại chợ, siêu thị, khu công nghiệp và khu vực trường học.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát dự toán, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm.

- Tuyên truyền hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đối với các thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng bổ sung, thức ăn bổ sung, tăng cường vi chất dinh dưỡng, các văn bản pháp luật về ghi nhãn dinh dưỡng thực phẩm.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, đẩy mạnh tuyên truyền việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp, nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục về dinh dưỡng hợp lý trong các chuyên trang, chuyên mục; ưu tiên chuyên mục về an toàn thực phẩm và thực phẩm sạch.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh: Chủ động thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ; lồng ghép công tác dinh dưỡng với nhiệm vụ ngành mình nhằm tạo sức mạnh liên ngành.

9. UBND các xã, phường

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; đưa chỉ tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực và phối hợp liên ngành nhằm thông tin, tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng ở địa phương;

- Tăng cường công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm tại cộng đồng; xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội

- Phối hợp với ngành y tế, ngành giáo dục, ngành nông nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng cho hội viên và cộng đồng.

- Huy động nguồn lực xã hội, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội; đề xuất các chính sách nhằm bảo đảm việc thực thi có hiệu quả Kế hoạch và các chương trình, đề án về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường giám sát cộng đồng, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh năm 2026. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Viện Dinh dưỡng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KGVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Lợi